

Số: 533 /TB-THADSKV4

Vinh Long, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá: Thửa đất số: 98, tờ bản đồ số 22, diện tích 65,8m², loại đất ở nông thôn Theo trích đo ngày 19/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 4). Đất tọa lạc tại thị trấn Vũng Liêm (nay là xã Trung Thành, tỉnh Vĩnh Long) do Hộ bà Nguyễn Thị Hương kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.
 - Địa chỉ: Số 46A, đường 2 tháng 9, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.
 - Tổng số điểm: **99 điểm**.
3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.
4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	5

2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2	2
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3	3
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2	2
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	0	1
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16	16
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4	4
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2	2
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2	2
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4	4
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4	4
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2	2
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2	2
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57	55
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>	15	15

1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	0	0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	0	0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	0	0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	0	0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	0	0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	0	0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	0	0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	0	0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	0	0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3	3
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất		
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7	5
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	0	0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	0	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	0	0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7	0

6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4	4
6.1	01 đấu giá viên	0	0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	0	0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4	4
7.1	Dưới 05 năm	0	0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	0	0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4	4
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	0	0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	0	0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	0	0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	0	0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8	7
	Tổng	99	97

Nơi nhận:

- Công đấu giá tài sản quốc gia (công khai);
- Công TTĐT Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (công khai);
- Lưu: VT.

